

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Bản án số: 186/2025/HNGĐ-PT

Ngày 17-11-2025

V/v tranh chấp ly hôn

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Minh Vỹ.

Các Thẩm phán:

Bà Phạm Thị Thu Phương.

Ông Hồ Minh Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Nguyễn Ngọc Linh - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Thanh Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 123/2025/TLPT-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2025 về việc “Tranh chấp ly hôn”.

Do bản án sơ thẩm số 122/2025/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực E - Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 6332/2025/QĐ-PT ngày 27 tháng 10 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thái A (Lê Thị Hương T), sinh năm 1984. (có mặt)

Địa chỉ: G Chung cư L, C Đ, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Trần Văn D, sinh năm 1985. (có mặt)

Địa chỉ: Căn hộ B Chung cư A, E S, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người kháng cáo: Ông Trần Văn D – Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Lê Thái A (Lê Thị Hương T) trình bày:

Bà và ông Trần Văn D quen biết, tìm hiểu nhau và tự nguyện kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 32 do Ủy ban nhân dân phường phường Q, thành phố V (nay là phường V), tỉnh Nghệ An cấp ngày 28-3-2016.

Sau khi kết hôn, vợ chồng bà sống hạnh phúc. Tuy nhiên, qua một thời gian chung sống, giữa bà và ông D bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn do không hòa hợp về lối sống, quan điểm dẫn đến cuộc sống chung không tốt cho vợ chồng bà và con chung. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Cả hai vợ chồng đã cố gắng khắc phục mâu thuẫn để hàn gắn tình cảm nhưng không được. Vợ chồng bà đã sống ly thân từ cuối năm 2024. Nay tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Văn D để các bên có điều kiện ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà và ông Trần Văn D có 01 người con chung tên Trần Lê Minh C, sinh ngày 06-02-2017. Bà A đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng là 7.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Bà A xác định các bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà A xác định trước đây có nợ Ngân hàng TMCP N nhưng đã thanh toán xong khoản nợ vào ngày 24-4-2025.

Bà đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải thêm vì hai vợ chồng không còn khả năng hàn gắn và đoàn tụ.

Bị đơn ông Trần Văn D trình bày:

Ông thống nhất với trình bày của bà Lê Thái A (Lê Thị Hương T) về việc đăng ký kết hôn, thời gian kết hôn. Ông xác định ông và bà A đã không còn sống chung từ tháng 01-2025 đến nay song ông vẫn muốn hàn gắn gia đình nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông và bà A có 01 người con chung tên Trần Lê Minh C, sinh ngày 06-02-2017. Ông D đề nghị được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu bà A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông D xác định các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông D xác định không có.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 122/2025/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực E - Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thái A (Lê Thị Hương T).

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thái A (Lê Thị Hương T) được ly hôn với ông Trần Văn D.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 32 do Ủy ban nhân dân phường V (trước đây là phường Q, thành phố V), tỉnh Nghệ An cấp ngày 28-3-2016 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật).

1.2. Về con chung:

Giao con chung tên Trần Lê Minh C, sinh ngày 06-02-2017 cho bà Lê Thái A (Lê Thị Hương T) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Ông Trần Văn D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 5.000.000 đồng/tháng. Việc cấp dưỡng được thực hiện kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Việc giao nhận tiền cấp dưỡng nuôi con do các đương sự tự thực hiện hoặc dưới sự giám sát của cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

Trường hợp người có nghĩa vụ cấp dưỡng chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền cấp dưỡng thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

1.3. Tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Nợ chung: Không có.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con; án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Yêu cầu kháng cáo:

Ngày 04-8-2025, bị đơn ông Trần Văn D có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về chi phí cấp dưỡng nuôi con chung, ông không đồng ý cấp dưỡng số tiền 5.000.000 đồng/tháng, chỉ đồng ý cấp dưỡng 3.000.000 đồng/tháng. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông về phần cấp dưỡng.

Ngày 05-11-2025, bị đơn ông Trần Văn D có đơn bổ sung thêm yêu cầu kháng cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giao con chung tên Trần Lê Minh C cho ông trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng; yêu cầu bà Lê Thái A (Lê Thị Hương T) cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000 đồng/tháng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Sau khi Hội đồng xét xử giải thích pháp luật và hòa giải, nguyên đơn và bị đơn đã thỏa thuận được với nhau về mức cấp dưỡng nuôi con chung là trẻ Trần Lê Minh C, sinh ngày 06-02-2017 mỗi tháng là 3.250.00 đồng. Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không yêu cầu xem xét lại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

+ *Về tố tụng:* Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý, Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa tiến hành công khai, đúng trình tự thủ tục tố tụng. Trong quá trình thụ lý giải quyết cũng như tại phiên tòa hôm nay, các đương sự đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ *Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về số tiền cấp dưỡng nuôi con chung;

các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo thì giữ nguyên như bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của bị đơn đảm bảo yêu cầu theo quy định tại Điều 272 và nộp trong thời hạn quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Ngày 05-11-2025, bị đơn ông Trần Văn D có đơn bổ sung thêm yêu cầu kháng cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giao con chung tên Trần Lê Minh C cho ông trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng; yêu cầu bà Lê Thái A (Lê Thị Hương T) cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 đồng/tháng. Xét bị đơn bổ sung yêu cầu kháng cáo này khi đã hết thời hạn kháng cáo và vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu, nên căn cứ khoản 2 Điều 284 Bộ luật Tố tụng dân sự, yêu cầu này không được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn:

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và bị đơn đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết số tiền cấp dưỡng nuôi con, theo đó ông D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với số tiền 3.250.000 đồng/tháng. Các quyết định khác không bị kháng cáo, kháng nghị thì các đương sự đề nghị giữ nguyên như bản án sơ thẩm.

Xét sự thỏa thuận trên của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, nên Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa; các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ông Trần Văn D phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300 và Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm về số tiền cấp dưỡng nuôi con; Giữ nguyên các quyết định khác của bản án sơ thẩm, như sau:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85, Điều 86, Điều 87, Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thái A (Lê Thị Hương T).

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thái A (Lê Thị Hương T) ly hôn với ông Trần Văn D

(Giấy chứng nhận kết hôn số 32 do Ủy ban nhân dân phường V (trước đây là phường Q, thành phố V), tỉnh Nghệ An cấp ngày 28-3-2016 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật).

1.2. Về con chung:

Giao con chung tên Trần Lê Minh C, sinh ngày 06-02-2017 cho bà Lê Thái A (Lê Thị Hương T) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Ông Trần Văn D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 3.250.000 đồng (ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng)/tháng. Việc cấp dưỡng được thực hiện kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi trẻ C đủ 18 tuổi. Việc giao nhận tiền cấp dưỡng nuôi con do các đương sự tự thực hiện hoặc dưới sự giám sát của cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp người có nghĩa vụ cấp dưỡng chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền cấp dưỡng thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ông Trần Văn D được quyền đến thăm, chăm sóc và giáo dục các con chung. Vì quyền lợi của các con chung, khi cần thiết một trong hai bên đều có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Không có.

2. Về án phí:

2.1. Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn bà Lê Thái A (Lê Thị Hương T) phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0080482 ngày 20-02-2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2), Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Lê Thái A (Lê Thị Hương T) đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Án phí cấp dưỡng nuôi con: Ông Trần Văn D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2.2. Về án phí phúc thẩm: Ông Trần Văn D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0009314 ngày 14-8-2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Trần Văn D đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

3. Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- VKSND Tối cao;
- VKSND TP.HCM;
- Thi hành án dân sự TP.HCM;
- TAND Khu vực E, TP.HCM;
- Phòng Thi hành án dân sự Khu vực E, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.(Linh/16b)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Minh Vỹ

